

Bản án số: 113/20../HNGĐ-ST
Ngày: 25-10-20..
V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà PTN.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông LVD;

Ông NML.

- Thư ký phiên tòa: Ông THT- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh TN tham gia phiên tòa:
Ông ĐVL - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh TN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/20../TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 20.. về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/20../QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 20.. giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị HTNG, sinh năm 19..; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp AP, xã AT, huyện TB, tỉnh TN; Nơi tạm trú: Ấp AT, xã AT, huyện TB, tỉnh TN; (có mặt).

- Bị đơn: Anh ĐVP, sinh năm 19; Địa chỉ cư trú: Ấp Ấp AP, xã AT, huyện TB, tỉnh TN; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2019 của nguyên đơn - chị HTNG và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị G trình bày:

Chị và anh ĐVP chung sống với nhau vào ngày 30-12-19.., có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 14/2001 ngày 27-02-20.. tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện TB, tỉnh TN. Chị và anh P chung sống hạnh phúc đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn. Do vợ chồng mất lòng tin nhau trong tình cảm, trong cuộc sống gia đình, anh P thường hay uống rượu, không chăm lo kinh tế gia đình, không quan tâm đến cuộc sống của vợ con, nên kinh tế gia đình luôn gặp khó khăn, bất đồng tư tưởng trong hoạt động hàng ngày, vợ chồng thường gây gổ nhau. Năm 20.., chị G bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung tên ĐQV, sinh ngày 19-12-20.. đã thành niên và có khả năng lao động, ĐTTT, sinh ngày 08-02-20.. do chị trực tiếp nuôi dưỡng từ năm 2013 cho đến nay. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh ĐVP trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị G về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng.

Anh yêu cầu được đoàn tụ với chị G. Nếu Tòa án xét xử cho chị G ly hôn anh thì:

Về con chung: Cháu ĐQV, sinh ngày 19-12-20.. đã thành niên và có khả năng lao động. Anh đồng ý để chị G tiếp tục nuôi dưỡng cháu ĐTTT, sinh ngày 08-02-20.., anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh TN:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh P.

Về con chung:

Giao chị G tiếp tục nuôi con tên ĐTTT, sinh ngày 08-02-20... Ghi nhận chị G không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Cháu ĐQV, sinh ngày 19-12-20.. đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh P vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị G và anh P chung sống với nhau vào 30-12-19.., có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 14/20..1 ngày 27-02-20.. tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện TB, tỉnh TN. Chị G và anh P chung sống hạnh phúc đến năm 20.. phát sinh mâu thuẫn. Do vợ chồng mất lòng tin nhau trong tình cảm, trong cuộc sống gia đình, anh P thường hay uống rượu, không chăm lo kinh tế gia đình, không quan tâm đến cuộc sống của vợ con, nên kinh tế gia đình luôn gặp khó khăn, bất đồng tư tưởng trong hoạt động đời sống hàng ngày, vợ chồng thường gây gổ nhau. Năm 20.., chị G bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị G yêu cầu ly hôn, anh P yêu cầu đoàn tụ với chị G.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của chị G và anh P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G đối với anh P theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị G và anh P có 02 con chung là cháu ĐQV, sinh ngày 19-12-20.. đã thành niên và có khả năng lao động và cháu ĐTTT, sinh ngày 08-02-20... Tại phiên tòa hôm nay, chị G yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu ĐTTT, chị G không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P đồng ý để chị G được tiếp tục nuôi dưỡng cháu ĐTTT. Qua làm việc cháu T có yêu cầu được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Gám, giao cháu ĐTTT cho chị G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung, nên chấp nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị G và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị HTNG đối với anh ĐVP.

Chị HTNG được ly hôn anh ĐVP.

2. Về con chung:

Cháu ĐQV, sinh ngày 19-12-20.. đã thành niên và có khả năng lao động.

Giao con chung là cháu ĐTTT, sinh ngày 08-02-20.. cho chị HTNG tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị G không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị HTNG và anh ĐVP không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị HTNG phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017145 ngày 13-5-20.. của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị HTNG đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh TN. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết Bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- UBND xã AT;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PTN

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA